TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG LÔ** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:09/2025/HSST
Ngày 17 tháng 02 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Tiến Vinh

2. Ông Vũ Mạnh Tuấn.

Thư ký phiên toà: Bà Lại Phương Thúy, Thư ký Toà án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thanh Hường, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2025/HSST ngày 23 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Thị H, sinh ngày 16/8/1963

Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện S, tỉnh V.

Dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 07/10; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Lê Quang Th, sinh năm 1923 (đã chết) và bà Trần Thị D, sinh năm 1929 (đã chết); chồng: Nguyễn Minh Quân, sinh năm 1959 (đã ly hôn); con: 05 con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/10/2024 đến ngày 30/10/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn, tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1989, vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Tr, xã Nh (nay là thị trấn Tam Sơn), huyện S, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị H, sinh năm 1968 ở thôn N, xã Đ, huyện S, tỉnh V và chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1989 ở thôn Tr, xã Nh, huyện S, tỉnh V có mối quan hệ xã hội, quen biết nhau. Do cần tiền làm ăn, kinh doanh nên Ch có hỏi vay mượn tiền của H một vài lần và được H cho vay.

Khoảng đầu tháng 5/2024, chị Ch có nhu cầu mua 03 thửa đất số 74, 75, 76 thuộc tờ bản đồ số 79 ở tổ dân phố 7, thị trấn K, huyện T, tỉnh V nhưng không đủ tiền nên đã nói chuyện với H và đề cập hỏi vay tiền của H. Ban đầu Hằng có ý định mua lại 03 thửa đất trên và trả chênh giá thêm tiền cho chị Ch nhưng chị Ch không đồng ý. Ngày 16/5/2024, chị Ch một mình đến nhà H hỏi vay số tiền 950.000.000đ (chín trăm năm mươi triệu đồng). Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng, từ ngày 16/5/2024 đến ngày 16/6/2024, số tiền lãi là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và viết giấy tờ dưới dạng hợp đồng đặt cọc để mua 03 thửa đất trên. Sau đó, H đã chuyển khoản 03 lần với tổng số tiền 950.000.000đ trong ngày 16/5/2024 từ số tài khoản 109876336666 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam của H đến số tài khoản 3550114087007 tại ngân hàng TMCP Quân Đội của chị Ch.

Đến hạn trả tiền nhưng chị Ch chưa trả nên H đã gọi điện thúc dục nhiều lần và chỉ yêu cầu Ch trả tiền gốc và lãi, không tính lãi thêm cho Ch. Ngày 26/6/2024 và ngày 13/7/2024 Ch sử dụng số tài khoản trên chuyển khoản cho H lần lượt số tiền 780.000.000đ tiền gốc và 100.000.000đ tiền lãi sau đó Ch không trả nữa. Lúc này, H nhờ anh Vũ Hồng Đ, sinh năm 1969 ở thôn N, xã V, huyện L, tỉnh V (có mối quan hệ thân quen với H) đòi nợ giúp H. Anh Đ đã gọi điện cho Ch và đến nhà Ch đòi nợ nên ngày 11/10/2024 Ch đã sử dụng số tài khoản ngân hàng trên của Ch chuyển số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) đến số tài khoản đến số tài khoản 2808681113888 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam của Đ, cùng ngày Đ sử dụng số tài khoản trên của Đ chuyển luôn số tiền 50.000.000đ do Ch chuyển đến tài khoản ngân hàng của H.

Đến ngày 14/10/2024, Ch tiếp tục chuyển khoản số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) từ số tài khoản trên của Ch đến số tài khoản 5555839888888 mở tại ngân hàng TMCP Quân Đội của Đ. Sau khi nhận được tiền từ Ch, Đ cũng chuyển khoản luôn số tiền trên cho H. Do vẫn còn nợ số tiền 95.000.000đ nên H tiếp tục nhiều lần đòi nợ Ch. Đến ngày 26/10/2024, Ch đi cùng bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1963 ở thôn Tr, xã Nh (mẹ đẻ của Ch) đến nhà H trả nợ. Tại đây, Ch xin trả trước cho H số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) và xin tiếp tục khất nợ. H đang cầm số tiền trên tay thì bị lực lượng công an huyện Sông Lô bắt quả tang, thu giữ vật chứng và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào thỏa thuận lãi suất và số tiền Ch đã trả nợ gốc và lãi cho H xác định: trong khoảng thời gian 01 tháng từ ngày 16/5/2024 đến ngày 16/6/2024, Ch vay H số tiền 950.000.000đ tiền gốc và phải trả lãi số tiền 100.000.000đ thì mức lãi suất là 10,526%/tháng, tương ứng 126,312%/năm, cao gấp 6,315 lần mức lãi suất cao nhất (20%/năm) quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự (BLDS). Ch đã trả cho H tổng số tiền lãi là 100.000.000đ qua hình thức chuyển khoản), trong đó số tiền lãi theo quy định của BLDS là 15.834.000 đồng (đã làm tròn), số tiền thu lời bất chính là 84.166.000 đồng (đã làm tròn)..

Tại bản cáo trạng số: 06/CT-VKSSL ngày 22 tháng 01 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô truy tố bị cáo Lê Thị H về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi đánh giá, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 3 Điều 201, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36, xử phạt bị cáo Lê Thị H từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/10/2024 đến ngày 30/10/2024 là 05 ngày, quy đổi thành 15 ngày cải tạo không giam giữ, do bị cáo là người cao tuổi, đã hết tuổi lao động nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo, về hình phạt bổ sung: phạt bị cáo H từ 30.000.000đồng đến 50.000.000đồng để sung quỹ Nhà nước. Ngoài ra, Viện kiểm sát đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên và bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, hoàn cảnh bị cáo khó khăn, sức khỏe yếu, mong Hội đồng xét xử cho bị cáo mức hình phạt bổ sung ở mức nhẹ nhất thì bị cáo mới khắc phục được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Sông Lô, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo Lê Thị H đã khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình, bị cáo thừa nhận : Ngày 16/5/2024, Lê Thị H ở thôn N, xã Đ, huyện S đã thỏa thuận cho Nguyễn Thị Ch ở thôn Tr, xã Nh, huyện S (nay là thị trấn T, huyện S) vay số tiền 950.000.000đ, trong thời hạn 01 tháng từ ngày 16/5/2024 đến ngày 16/6/2024, với mức lãi suất 126,312%/năm cao gấp 6,315 lần mức lãi suất được BLDS quy định. Tổng số tiền lãi H đã thu được là 100.000.000đ, số tiền thu lời bất chính là 84.166.000đ, số tiền lãi tính theo quy định tại BLDS là 15.834.000đ. Ngày 26/10/2024, khi Ch đến nhà H để trả tiền gốc thì bị Công an huyện Sông Lô bắt quả tang thu giữ vật chứng và các tài sản liên quan.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai, bản kiểm điểm của bị cáo, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng và cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ.

Từ những phân tích nêu trên đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Thị H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Điều luật quy định*: "1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm…"*

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo trong vụ án thấy rằng: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng,, con của bị cáo là người có thành tích xuất sắc trong công tác được Chủ tịch tỉnh tặng Bằng khen, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm

nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo khi lượng hình. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Xét thấy, cần phải xử phạt bị cáo mức án cải tạo không giam giữ, như vậy mới có tác dụng cần thiết để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Bị cáo là người cao tuổi, đã hết tuổi lao động nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Về hình phạt bổ sung: phạt bị cáo H một số tiền sung quỹ Nhà nước.

Đối với anh Vũ Hồng Đ: Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Lô đã tiến hành triệu tập lấy lời khai nhiều lần, thu thập các tài liệu chứng cứ liên quan nhưng không có căn cứ xác định anh Đ biết được việc H cho chị Ch vay với lãi suất cao. Vì vậy, không có căn cứ xử lý hình sự đối với anh Đ là có căn cứ.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) thu giữ khi bắt quả tang, xác định là số tiền gốc H cho Ch vay với lãi suất cao sử dụng làm công cụ phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Ngày 23/12/2024, Nguyễn Thị Ch có đơn xin lại số tiền đóng lãi cho H, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Lô đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho chị Ch số tiền 84.166.000đ, chị Ch đã nhận đủ số tiền và không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với số tiền 15.834.000đ là số tiền lãi theo quy định tại BLDS, tuy không bị tính khi xem xét trách nhiệm hình sự, nhưng đây là số tiền phát sinh từ việc thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 85.000.000đ Ch tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra để phục vụ công tác điều tra, xác định đây là số tiền gốc Ch chưa trả cho H nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền gốc còn lại H cho Ch vay và Ch đã trả cho H là 855.000.000đ (Tám trăm năm mươi lăm triệu đồng), đây là phương tiện công cụ phạm tội nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước. Số tiền này đến nay H chưa giao nộp nên tịch thu số tiền 4.434.979đồng trong tài khoản số 109876336666 tại Ngân hàng ViettinBank chi nhánh Hùng Vương, tỉnh Phú Thọ. Tiếp tục truy thu số tiền: 850.565.000đồng (đã làm tròn).

- Đối với giấy Hợp đồng đặt cọc (giấy viết tay theo mẫu, không được công chứng, chứng thực), H và Ch đều xác định đây là giao dịch không có thực, tạo lập để hợp thức việc vay mượn tiền, đây là tài liệu liên quan đến vụ án cần được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Đối với chiếc điện thoại di động H sử dụng để liên lạc và chuyển, nhận tiền của Ch trên ứng dụng tài khoản ngân hàng, Hằng khai nhận đã bị mất từ lâu, không biết mất ở đâu, không truy tìm được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo Lê Thị H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Áp dụng: khoản 1, 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: bị cáo Lê Thị H 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/10/2024 đến ngày 30/10/2024 là 05 ngày, quy đổi thành 15 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải thi hành 01 (Một) năm 05 (Năm) tháng 15 (Mười năm) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án Công an huyện Sông Lô và Ủy ban nhân dân xã Đức Bác được giao giám sát giáo dục nhận được bản sao bản án và Quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo H.

Giao bị cáo Lê Thị Hằng cho Ủy ban nhân dân xã Đức Bác, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Trong trường hợp bị cáo H có thay đổi về nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo H số tiền: 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng: khoản 1 Điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền gốc: 85.000.000đồng và 10.000.000đồng, số tiền lãi 15.834.000đ, tổng số tiền tịch thu là 110.834.000đồng.

Tịch thu số tiền 4.434.979đồng trong tài khoản số 109876336666 tại Ngân hàng ViettinBank chi nhánh Hùng Vương, tỉnh Phú Thọ. Tiếp tục truy thu số tiền: 850.565.000đồng (Tám trăm năm mươi triệu năm trăm sáu mươi năm nghìn đồng chẵn).

- Xác nhận cơ quan điều tra đã trả lại chị Nguyễn Thị Ch số tiền lãi thu bất hợp pháp là: 84.166.000đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Bị cáo Lê Thị H được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại UBND của người vắng mặt để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Vĩnh Phúc.
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc
- VKSND huyện Sông Lô
- CCTHA huyện Sông Lô
- CQCSĐT Công an huyện Sông Lô
- Sở Tư pháp Vĩnh Phúc
- Bị cáo
- UBND xã Đức Bác
- CQTHA huyện Sông Lô
- Lưu HS+Vp

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp